

BÁO CÁO SĨ SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG
(Tính đến ngày 05/5/2025)

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
Khoa Điện - Điện tử				1.441	
2018				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	18T4-ĐCN1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến hết tháng 6/2026 do đi nghĩa vụ quân sự
2019				71	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	19T4-CĐT1	3	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	19T4-ĐCN1	5	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	19T4-ĐCN2	7	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19T4-ĐĐT1	9	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19T4-ĐĐT2	8	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	19C1-CĐT1	4	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	19C1-ĐCN1	5	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	19C1-ĐCN2	13	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19C1-ĐĐT1	7	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19C1-ĐĐT2	6	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	19C1-TĐH1	4	Nợ môn
2020				171	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	20T4-CĐT1	18	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	20T4-ĐCN1	29	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20T4-ĐĐT1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	20T4-TĐH1	11	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	20C1-CĐT1	21	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	20C1-ĐCN1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	20C1-ĐCN2	15	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C1-ĐĐT1	11	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C1-ĐĐT2	7	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20C1-TĐH1	9	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20C1-TĐH2	10	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	20C2-ĐCN1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (gia hạn đến hết T9/2025)
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C2-ĐĐT1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi DQTV (gia hạn đến hết T9/2025)
14	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C3-ĐĐT1	2	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	20C5-CĐT1	3	Nợ môn
16	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Cơ điện tử	20C6-CĐT1	8	Nợ môn
2021				147	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	21T2-ĐCN1	6	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	21T4-CĐT1	13	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	21T4-ĐCN1	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21T4-ĐĐT1	23	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	21T4-TĐH1	5	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	21C1-CĐT1	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	21C1-ĐCN1	17	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	21C1-ĐCN2	14	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21C1-ĐĐT1	16	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	21C1-TĐH1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Cơ điện tử	21C3-CĐT1	5	Nợ môn
12	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	21C5-CĐT1	6	Nợ môn
13	Cao đẳng - LKQT	Điện công nghiệp	21C7-ĐCN1	2	Nợ môn
2022				257	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	22T4-CĐT1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	22T4-ĐCN1	41	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22T4-ĐĐT1	35	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	22T4-TĐH1	20	
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	22C1-CĐT1	22	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN1	24	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN2	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C1-ĐĐT1	25	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	22C1-TĐH1	17	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	22C2B-CĐT1	9	
11	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	22C2B-ĐCN1	17	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C2B-ĐĐT1	3	
2023				453	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1BP	17	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1DH	57	TTGDTX Duyên Hải - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	23T4-CĐT1	22	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	23T4-ĐCN1	39	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23T4-ĐĐT1	30	
6	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Điện công nghiệp	23T5-ĐCN1	49	
7	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	23C1-CĐT1	15	
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	23C1-ĐCN1	43	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C1-ĐĐT1	35	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C1-TĐH1	22	
11	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	23C2-CĐT1	37	
12	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	23C2-ĐCN1	33	
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C2-ĐĐT1	22	
14	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C2-TĐH1	24	
15	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	23C8-ĐCN1	8	
2024				334	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	24T4-CĐT1	20	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	24T4-ĐCN1	31	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24T4-ĐĐT1	32	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện tử công nghiệp	24T4-ĐTC1	5	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	24T4-TĐH1	11	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	24C1-CĐT1	20	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	24C1-ĐCN1	46	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C1-ĐĐT1	38	
9	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	24C2-CĐT1	30	
10	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	24C2-ĐCN1	35	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C2-ĐĐT1	38	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	24C2-TĐH1	14	
13	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	24C8-ĐCN1	14	
2025				7	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	25T4-ĐCN1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	25T4-TĐH1	1	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	25C1-CĐT1	2	SV khóa mới
4	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	25C1-ĐCN1	1	SV khóa mới
5	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	25C2-ĐCN1	1	SV khóa mới
6	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	25C8-ĐCN1	1	SV khóa mới
Khoa Cơ khí				1.081	
2017				2	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	17T4-CCK1	2	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến 8/2025 do đi nghĩa vụ quân sự
2018				1	
1	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	18C1-CKL1	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến 8/2025 do đi nghĩa vụ quân sự (NVQS từ tháng 02/2023-17/01/2025)
2019				99	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19T4-CCK1	24	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	19T4-CKC1	15	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	19T4-CKC2	8	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	19C1-BCN1	4	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK1	5	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK2	5	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK3	9	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK4	18	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK5	1	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	19C1-CTM1	8	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3-CCK1	2	Nợ môn
2020				141	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20T4-CCK1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20T4-CCK2	15	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	20T4-CKC1	26	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	20T4-CKL1	3	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	20C1-BCN1	6	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK1	8	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK2	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK3	13	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK4	9	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK5	7	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	20C1-CKL1	3	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
12	Cao đẳng - 2,5N	Chế tạo khuôn mẫu	20C1-CTK1	5	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM1	10	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM2	6	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM3	3	Nợ môn
16	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C2-CCK1	1	Ban Giám hiệu duyệt học lại ngày 08/4/2025 (gia hạn thời gian đào tạo đến hết T10/2025)
17	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C3-CCK1	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC	Công nghệ chế tạo máy	20C3-CTM1	2	Nợ môn
2021				104	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21T4-CCK1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	21T4-CKC1	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	21T4-CTM1	10	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK1	12	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK2	9	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK3	20	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK4	10	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	21C1-CTM1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C7-CCK1	7	Nợ môn
2022				193	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22T4-CCK1	41	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	22T4-CKC1	16	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	22T4-CTM1	19	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK1	19	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK2	21	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK3	27	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK4	20	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	22C1-CTM1	12	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C2B-CCK1	4	
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	22C2B-CTM1	7	
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C3-CCK1	4	Nợ môn
12	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C7-CCK1	3	Nợ môn
2023				266	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK1	37	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK2	20	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	23T4-CTM1	30	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK1	46	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK2	36	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK3	20	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	23C1-CTM1	14	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C2-CCK1	27	
9	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	23C2-CKL1	8	
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	23C2-CTM1	28	
2024				271	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK1	43	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK2	31	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	24T4-CKL1	19	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK1	52	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK2	46	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	24C1-CKL1	13	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	24C1-CTM1	22	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C2-CCK1	33	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	24C2-CTM1	12	
2025				4	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25T4-CCK1	1	SV khóa mới
2	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	25C1-BCN1	1	SV khóa mới

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C1-CCK1	1	SV khóa mới
4	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C2-CCK1	1	SV khóa mới
Khoa Động lực				2.188	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	17T4-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt cho học trả nợ môn do hoàn thành NVQS theo đơn PH ngày 27/9/2023 (gia hạn đến hết T8/2025)
2018				4	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ1	2	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến 6/2026 do đi NVQS
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt cho học trả nợ môn do hoàn thành NVQS (được gia hạn đến hết T3/2026)
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ4	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến 6/2026 do đi NVQS
2019				152	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ1	15	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ2	24	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ3	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ4	21	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ5	12	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ1	10	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ2	7	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ3	2	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ4	5	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ5	3	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ6	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ7	12	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ8	11	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ9	12	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	19C3-CNÔ3	1	Nợ môn
2020				203	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ2	10	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ3	17	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ4	11	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ5	16	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ2	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ3	3	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ4	5	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ5	13	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ6	10	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ7	1	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ8	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ9	3	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ10	7	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ11	7	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
17	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ12	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ13	11	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ14	11	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ1	7	Nợ môn
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ2	4	Nợ môn
22	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ3	4	Nợ môn
23	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	20C5-CNÔ1	1	Nợ môn
24	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ1	1	Nợ môn
25	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ2	5	Nợ môn
26	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ3	7	Nợ môn
27	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ4	5	Nợ môn
2021				174	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ1	14	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ2	18	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ3	14	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ1	10	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ2	4	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ3	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ4	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ5	13	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ6	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ7	6	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ8	11	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ9	7	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ10	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ1	2	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ2	8	Nợ môn
16	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ3	3	Nợ môn
17	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ4	4	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	21C5-CNÔ1	5	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6-CNÔ1	6	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6-CNÔ2	6	Nợ môn
2022				349	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	22T2-CNÔ1	5	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ1	36	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ2	23	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ3	33	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ4	25	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ5	30	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ6	27	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ1	12	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ2	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ3	15	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ4	15	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ5	15	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ6	19	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ7	14	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ8	15	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ9	13	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B-CNÔ1	5	
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B-CNÔ2	5	
19	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ1	8	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ2	6	Nợ môn
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ3	9	Nợ môn
22	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	22C6-CNÔ1	5	Nợ môn
2023				730	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	23T2-CNÔ1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Công nghệ ô tô	23T3-CNÔ1CK	43	TTGDTX Cầu Kè - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ1	39	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ2	31	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ3	35	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ4	34	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ5	37	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ6	31	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ1	43	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ2	45	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ3	46	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ4	37	
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ5	39	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ6	44	
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ7	36	
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ8	31	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ1	50	
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ2	42	
19	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ1	27	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ2	28	Nợ môn
2024				565	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ1	42	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ2	42	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ3	42	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ4	36	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ1	50	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ2	49	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ3	57	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ4	43	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ5	52	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ6	49	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ1	44	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ2	26	
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ3	33	
2025				10	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	25T4-CNÔ1	5	SV khóa mới
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ1	5	SV khóa mới
Khoa Công nghệ Thông tin				2.690	
2018				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	18T4-CMT1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến 6/2026 do đi NVQS
2019				172	
1	Trung cấp - 1N3	Quản trị mạng máy tính	19T2-QTM1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (gia hạn đến hết T2/2026)
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	19T4-ANM1	7	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	19T4-ANM2	10	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	19T4-CMT1	20	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	19T4-CMT2	7	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	19T4-LTM1	11	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	19T4-LTM2	16	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	19T4-QTM1	15	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	19T4-THU1	12	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	19T4-TKĐ1	15	Nợ môn
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	19T4-TKĐ2	14	Nợ môn
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	19T4-TKW1	15	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	An ninh mạng	19C1-ANM1	3	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	19C1-CMT1	2	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	19C1-LTM1	3	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	19C1-QTM1	4	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	19C1-TKĐ1	5	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	19C1-TKĐ2	9	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	19C1-TKW1	2	Nợ môn
20	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	19C2-QTM1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do đi NVQS (gia hạn đến hết T7/2025)
2020				198	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	20T4-ANM1	10	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	20T4-CMT1	22	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	20T4-ĐHĐ1	11	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	20T4-LTM1	10	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	20T4-LTM2	9	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	20T4-QTM1	7	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	20T4-QTM2	6	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	20T4-THU1	21	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ1	22	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ2	16	Nợ môn
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ3	18	Nợ môn
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	20T4-TKW1	16	Nợ môn
13	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Tin học ứng dụng	20T5-THU1	1	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	20C1-CMT1	5	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	20C1-ĐHĐ1	1	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	20C1-LTM1	3	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	20C1-LTM2	3	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	20C1-QTM1	5	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	20C1-TKĐ1	6	Nợ môn
20	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	20C1-TKĐ2	4	Nợ môn
21	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	20C1-TKW1	2	Nợ môn
2021				216	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	21T4-ANM1	9	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	21T4-CMT1	22	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	21T4-ĐHĐ1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM1	18	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM2	15	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	21T4-QTM1	19	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	21T4-THU1	10	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ1	17	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ2	28	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	21T4-TKW1	9	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	21C1-CMT1	10	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	21C1-LTM1	7	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	21C1-LTM2	5	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	21C1-QTM1	5	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	21C1-TKĐ1	11	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	21C1-TKĐ2	7	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	21C1-TKW1	5	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC	Lập trình máy tính	21C3-LTM1	4	Nợ môn
19	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	21C7-LTM1	1	Nợ môn
2022				525	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	22T4-ANM1	19	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	22T4-CMT1	44	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ1	41	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ2	30	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM1	44	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM2	49	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	22T4-QTM1	43	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	22T4-THU1	31	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ1	48	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ2	49	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	22T4-TKW1	14	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C1-CMT1	14	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	22C1-LTM1	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	22C1-QTM1	5	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	22C1-THU1	4	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ1	16	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ2	10	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	22C1-TKW1	6	Nợ môn
19	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	22C2B-ANM1	3	
20	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C2B-CMT1	4	
21	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	22C2B-LTM1	10	
22	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	22C2B-QTM1	9	
23	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	22C2B-THU1	6	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	22C2B-TKĐ1	7	
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	22C2B-TKW1	5	
26	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	22C7-LTM1	5	Nợ môn
2023				800	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tin học ứng dụng	23T3-THU1BP	19	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	23T4-CMT1	33	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	23T4-ĐHĐ1	45	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM1	48	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM2	36	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	23T4-QTM1	37	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	23T4-THU1	35	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ1	43	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ2	46	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ3	31	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	23T4-TKW1	21	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C1-CMT1	21	
13	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	23C1-ĐHĐ1	21	
14	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	23C1-LTM1	50	
15	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	23C1-QTM1	13	
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	23C1-TKĐ1	46	
17	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	23C2-ANM1	16	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C2-CMT1	30	
19	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	23C2-ĐHĐ1	32	
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	23C2-LTM1	34	
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	23C2-QTM1	33	
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	23C2-THU1	29	
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ1	26	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ2	34	
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	23C2-TKW1	21	
2024				772	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	24T4-ANM1	13	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	24T4-CMT1	27	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	24T4-ĐHĐ1	47	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM1	43	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM2	26	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	24T4-QTM1	24	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	24T4-THU1	47	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ1	49	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ2	39	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	24T4-TKW1	25	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C1-CMT1	17	
12	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	24C1-ĐHĐ1	23	
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	24C1-LTM1	30	
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	24C1-QTM1	16	
15	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	24C1-TKĐ1	48	
16	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	24C2-ANM1	18	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C2-CMT1	29	
18	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	24C2-ĐHĐ1	27	
19	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM1	43	
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM2	28	
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	24C2-QTM1	41	
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	24C2-THU1	26	
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	24C2-TKĐ1	41	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	24C2-TKĐ2	34	
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	24C2-TKW1	11	
2025				6	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	25T4-LTM1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	25T4-TKĐ1	3	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	25C1-CMT1	1	SV khóa mới
4	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	25C1-QTM1	1	SV khóa mới
Khoa May - Thời trang				117	
2019				12	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	19T4-CNM1	11	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	19C1-CNM1	1	Nợ môn
2020				20	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	20T4-CNM1	17	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	20C1-CNM1	3	Nợ môn
2021				9	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	21T4-CNM1	9	Nợ môn
2022				20	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	22T4-CNM1	19	
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	22C1-CNM1	1	Nợ môn
2023				26	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	23T4-CNM1	11	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	23C1-MTT1	6	Nợ môn
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	23C2-CNM1	9	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2024				29	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Máy thời trang	24T4-MTT1	17	
2	Cao đẳng - 2,5N	Máy thời trang	24C1-MTT1	6	Nợ môn
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	24C2-CNM1	6	
2025				1	
1	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	25C2-CNM1	1	SV khóa mới
Khoa Xây dựng - Nhiệt lạnh				906	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	17T4-LĐL1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến 8/2025 do đi NVQS
2019				95	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	19T4-KXD1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	19T4-KML1	13	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	19T4-LĐL1	13	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19T4-VSL1	6	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19T4-VSL2	12	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	19C1-CNL1	5	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	19C1-KML1	9	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	19C1-KML2	3	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	19C1-LĐL1	4	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19C1-VSL1	12	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19C1-VSL2	2	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	19C1-KXD1	3	Nợ môn
2020				112	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	20T4-KXD1	14	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	20T4-LĐL1	8	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20T4-VSL1	18	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20C1-CNL1	7	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20C1-VSL2	3	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20T4-CNL1	4	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20T4-KML1	13	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20C1-KML1	7	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20C1-KML2	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	20C1-LĐL1	2	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20C1-VSL1	8	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20C1-CNL2	15	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	20C1-KXD1	8	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản lý xây dựng	20C1-QXD1	2	Nợ môn
2021				75	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	21T4-KXD1	6	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21T4-KML1	24	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21T4-VSL1	15	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	21C1-CNL1	5	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21C1-KML1	13	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21C1-VSL1	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	21C1-KXD1	3	Nợ môn
2022				138	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	22T4-KXD1	9	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22T4-KML1	26	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22T4-VSL1	40	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	22C1-CNL1	9	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C1-KML1	21	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C1-VSL1	10	Nợ môn
7	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C2B-KML1	7	
8	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	22C2B-LĐL1	4	
9	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C2B-VSL1	4	
10	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	22C1-KXD1	8	Nợ môn
2023				241	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	23T4-KXD1	10	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23T4-KML1	24	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23T4-VSL1	43	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C1-CNL1	13	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C1-KML1	31	
6	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C1-VSL1	18	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	23C1-KXD1	13	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C2-CNL1	12	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C2-KML1	18	
10	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	23C2-LĐL1	9	
11	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C2-VSL1	21	
12	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	23C2-KXD1	29	
2024				244	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24T4-KML1	39	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	24T4-KXD1	7	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	24T4-LĐL1	17	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24T4-VSL1	42	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24C1-CNL1	16	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C1-KML1	51	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	24C1-KXD1	11	
8	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C1-VSL1	14	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C2-KML1	18	
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	24C2-KXD1	7	
11	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C2-VSL1	22	
Khoa Ngoại ngữ				738	
2019				28	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	19T4-NNA1	9	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	19T4-NNA2	9	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	19T4-NNA3	10	Nợ môn
2020				39	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4-NNA1	19	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4-NNA2	19	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	20C1-NNA1	1	Nợ môn
2021				45	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	21T4-NHQ1	4	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA1	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA2	22	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	21T4-NTN1	2	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	21C1-NNA1	3	Nợ môn
2022				103	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	22T4-NTN1	17	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA2	24	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	22T4-NHQ1	15	
5	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	22C2B-NNA1	6	
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	22C1-NTN1	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	22C1-NNA1	9	Nợ môn
2023				162	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	23T4-NHQ1	10	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA1	30	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA2	30	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	23T4-NTN1	8	
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	23C1-NHQ1	4	
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	23C1-NNA1	14	
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	23C1-NTN1	7	
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA1	59	
2024				355	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ1Q12	46	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ2Q12	56	TT GDTX Quận 12
3	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ3Q12	44	TT GDTX Quận 12
4	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Anh	24T3-NNA1Q11	43	TT GDTX Quận 11
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	24T4-NHQ1	10	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA1	35	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA2	32	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	24T4-NTN1	13	
9	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	24C1-NHQ1	3	
10	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	24C1-NNA1	23	
11	Cao đẳng - LT	Tiếng Hàn Quốc	24C2-NHQ1	6	
12	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	24C2-NNA1	39	
13	Cao đẳng - LT	Tiếng Nhật	24C2-NTN1	5	
2025				6	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	25T4-NNA1	3	SV khóa mới
2	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	25C1-NNA1	2	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	25C1-NTN1	1	SV khóa mới
Khoa Kinh tế				1.205	
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	17T4-KTD1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến 8/2025 do đi nghĩa vụ quân sự
2019				70	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	19T4-KTD1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	19T4-KTD2	12	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	19T4-LGT1	5	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	19T4-QTD1	12	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	19T4-TCĐ1	9	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	19T4-TMĐ1	5	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	19C1-KTD1	6	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	19C1-QTD1	9	Nợ môn
2020				105	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	20T4-KTD1	18	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	20T4-LGT1	12	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	20T4-QTD1	22	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	20T4-TCĐ1	16	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	20T4-TMĐ1	13	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	20C1-KTD1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	20C1-LGT1	5	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	20C1-QTD1	5	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	20C1-TCĐ1	1	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	20C1-TMĐ1	1	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	20C2-KTD1	1	Ban Giám hiệu duyệt học lại do hoàn thành NVQS ngày 20/11/2024 (có đơn bảo lưu, gia hạn đến hết T01/2026)
2021				95	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	21T4-KTD1	17	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	21T4-LGT1	5	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21T4-QTD1	15	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	21T4-TCĐ1	16	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	21T4-TMĐ1	10	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	21C1-KTD1	10	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	21C1-LGT1	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21C1-QTD1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21C1-QTD2	6	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	21C1-TCĐ1	6	Nợ môn
2022				204	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	22T4-KTD1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	22T4-LGT1	27	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22T4-QTD1	40	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	22T4-TCĐ1	14	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	22T4-TMĐ1	21	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	22C1-KTD1	14	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	22C1-LGT1	12	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD1	8	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD2	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	22C1-TMĐ1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	22C2B-KTD1	4	
12	Cao đẳng - LT	Logistics	22C2B-LGT1	3	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C2B-QTD1	4	
2023				317	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	23T4-KTD1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	23T4-LGT1	17	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23T4-QTD1	25	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	23T4-TMĐ1	24	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	23C1-KTD1	20	
6	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	23C1-LGT1	26	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C1-QTD1	18	
8	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	23C1-TMĐ1	17	
9	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD1	25	
10	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD2	18	
11	Cao đẳng - LT	Logistics	23C2-LGT1	20	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C2-QTD1	33	
13	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	23C2-TCĐ1	18	
14	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	23C2-TMĐ1	23	
2024				408	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Logistics	24T3-LGT1Q12	26	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Thương mại điện tử	24T3-TMĐ1Q12	68	TT GDTX Quận 12
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	24T4-KTD1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	24T4-LGT1	40	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24T4-QTD1	23	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	24T4-TMĐ1	27	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	24C1-KTD1	18	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
8	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	24C1-LGT1	22	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C1-QTD1	18	
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	24C1-TMĐ1	19	
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	24C2-KTD1	29	
12	Cao đẳng - LT	Logistics	24C2-LGT1	20	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C2-QTD1	29	
14	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	24C2-TCĐ1	18	
15	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	24C2-TMĐ1	20	
2025				5	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	25T4-LGT1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	25T4-TCĐ1	1	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	25C1-QTD1	1	SV khóa mới
4	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	25C1-TMĐ1	1	SV khóa mới
5	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	25C2-TCĐ1	1	SV khóa mới
Khoa Du lịch - Khách sạn				768	
2020				49	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	20T4-KLB1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	20T4-QDL1	8	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	20T4-QKS1	4	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	20T4-QLH1	3	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	20T4-QNH1	12	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	20C1-KLB1	2	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	20C1-QKS1	2	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	20C1-QNH1	2	Nợ môn
2021				54	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	21T4-KLB1	14	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	21T4-QDL1	10	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	21T4-QKS1	12	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	21T4-QLH1	4	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	21T4-QNH1	10	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	21C1-QNH1	4	Nợ môn
2022				137	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB2	26	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	22T4-QDL1	19	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	22T4-QKS1	28	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	22T4-QNH1	22	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	22C1-KLB1	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	22C1-QKS1	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị lễ hành	22C1-QLH1	1	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	22C1-QNH1	3	Nợ môn
2023				248	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB1	28	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB2	23	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	23T4-QDL1	21	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	23T4-QKS1	28	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	23T4-QNH1	40	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	23C1-KLB1	9	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	23C1-QKS1	18	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	23C1-QNH1	17	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	23C2-KLB1	13	
10	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	23C2-QDL1	19	
11	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	23C2-QKS1	22	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị lễ hành	23C2-QLH1	4	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị nhà hàng	23C2-QNH1	6	
2024				274	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	24T4-KLB1	59	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	24T4-QDL1	17	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	24T4-QKS1	36	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	24T4-QLH1	13	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	24T4-QNH1	41	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	24C1-KLB1	10	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	24C1-QKS1	25	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	24C2-KLB1	28	
9	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	24C2-QDL1	22	
10	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	24C2-QKS1	23	
2025				6	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	25T4-KLB1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	25T4-QKS1	3	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	25T4-QLH1	1	SV khóa mới
4	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	25C1-QKS1	1	SV khóa mới
Tổng cộng:				11.134	

1 Cao đẳng - 2.5 năm	3.329
2 Cao đẳng - Chất lượng cao	137
3 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast	15
4 Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	43
5 Cao đẳng - Liên kết quốc tế	18
6 Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	23
7 Cao đẳng - Liên thông	1.874
8 Trung cấp - 1 năm 3 tháng	24
9 Trung cấp - 3 năm (GDNN)	5.202
10 Trung cấp - 3 năm (GDTX)	419
11 Trung cấp - 1 năm (Buổi tối)	50

TỔNG CỘNG = 11.134

PHÒNG TTGD-QHDN
NGƯỜI LẬP BẢNG



Trần Thị Thu Hà

TP. HCM, ngày 05 tháng 5 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ